

Bản án số: **156/2024/DS-ST**
Ngày 30 tháng 08 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Kim Phương**

Ông Nguyễn Văn Khanh

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hằng** - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 61/2024/TLST-DS ngày 02/04/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXX-DS, ngày 29/07/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2024/QĐST-HPT ngày 14/08/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: Số B, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh. Do bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S1 (Công ty S1) do ông Lê Ngọc T- Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật; trụ sở công ty: số D, pH V, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của bà Nguyễn Đức Thạch D. *Người được ủy quyền tham gia tố tụng:* Ông Nguyễn Thanh Hải, chức vụ: Nhân viên công ty S1, theo giấy ủy quyền số 4682/2024/UQ-TGD ngày 08/05/2024 của Ông Lê Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc (có mặt).

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1969; HKTT: số 12 LZ, H, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; Hiện ở tại: PB, Chung cư B, T, quận Long Biên, Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Nguyễn Thanh Hải đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 16/10/2014, bà Nguyễn Thị Thanh H có ký với Ngân hàng TMCP S (S) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng S đã đồng ý cấp MasterCard Credit Gold số thẻ 526830-4131 với hạn

mức sử dụng là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 1.351.018.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền là: 1.306.321.007 đồng (thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ trừ lãi, phí trước, sau đó mới trừ tiếp vào giao dịch, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện trí trả nợ. Do bà Nguyễn Thị Thanh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/01/2018 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 117.484.266 đồng sang dư nợ quá hạn, làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.225%/tháng (= lãi suất trong hạn là 2.15%/tháng x 150%) theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Kể từ ngày chuyển quá hạn bà H đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng (được trừ gốc trước).

Tính đến ngày 15/07/2024 bà H còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 17.484.266 đồng; Lãi quá hạn: 296.829.983 đồng. Tổng cộng: 314.314.249 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Ngân hàng S1 khởi kiện đến Tòa án, đề nghị Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả ngay cho Ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/07/2024 là 314.314.249 đồng. Trong đó nợ gốc: 17.484.266 đồng; Lãi quá hạn: 296.829.983 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi phát sinh sau ngày 15/07/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

***Về phía bị đơn:** Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Thanh H từ giai đoạn Thông báo thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà Khuê không đến Tòa án và không có ý kiến phản hồi. Do bà Nguyễn Thị Thanh H không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của bà H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh Hải cung cấp bản tự khai và bảng kê chi tiết công nợ của bà H cùng đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện tính đến ngày 30/08/2024. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại Tòa án, cụ thể: Ngày 16/10/2014, bà H có ký với Ngân hàng TMCP S 01 Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ MasterCard Credit Gold số thẻ 526830 – 4131 với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, với

mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.351.018.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến trước thời điểm chuyển quá hạn bà H đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền 1.306.321.007 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/01/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 117.484.266 đồng sang dư nợ quá hạn, làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.225%/tháng = (lãi suất trong hạn là 2.15%/tháng x 150%) (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Kể từ ngày chuyển quá hạn đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 140.000.000 đồng (được trừ gốc trước, nợ lãi sau). Cụ thể: ngày 30/05/2024 trả 65.000.000 đồng, ngày 20/06/2024 trả 15.000.000 đồng, ngày 26/06/2024 trả 20.000.000 đồng, ngày 16/07/2024 trả 10.000.000 đồng, ngày 01/08/2024 trả 20.000.000 đồng, ngày 07/08/2024 trả 10.000.000 đồng. Tính đến ngày 30/08/2024, bà H còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 0 đồng, lãi quá hạn: 274.442.995 đồng. Tổng cộng: **274.442.995 đồng.**

Cách tính lãi quá hạn như sau:

- Lãi ngày:

+ Từ ngày chuyển quá hạn đến 29/05/2024: $117.484.266 \text{ đồng} \times 3.225\%/30 = 126.296 \text{ đồng.}$

+ Từ ngày 30/05/2024 đến 19/06/2024: $52,484,266 \text{ đồng} \times 3.225\%/30 = 56.421 \text{ đồng.}$

+ Từ ngày 20/06/2024 đến 25/06/2024: $37,484,266 \text{ đồng} \times 3.225\%/30 = 40.296 \text{ đồng.}$

+ Từ ngày 26/06/2024 đến 15/07/2024: $17,484,266 \text{ đồng} \times 3.225\%/30 = 18.796 \text{ đồng.}$

+ Từ ngày 16/07/2024 đến 31/07/2024: $7,484,266 \text{ đồng} \times 3.225\%/30 = 8.046 \text{ đồng.}$

+ Từ ngày 01/08/2024 đến 30/08/2024: 0 đồng (do đã thanh toán hết gốc).

- Số ngày quá hạn: 2.429 ngày

+ Từ ngày chuyển quá hạn đến 29/05/2024: 2.336 ngày

+ Từ ngày 30/05/2024 đến 19/06/2024: 21 ngày

+ Từ ngày 20/06/2024 đến 25/06/2024: 6 ngày

+ Từ ngày 26/06/2024 đến 15/07/2024: 20 ngày

+ Từ ngày 16/07/2024 đến 31/07/2024: 16 ngày

+ Từ ngày 01/08/2024 đến 30/08/2024: 30 ngày (do đã thanh toán hết gốc)

Lãi quá hạn: $(126.296 \text{ đồng} \times 2336 \text{ ngày}) + (56.421 \text{ đồng} \times 21 \text{ ngày}) + (40.296 \text{ đồng} \times 6 \text{ ngày}) + (18.796 \text{ đồng} \times 20 \text{ ngày}) + (8.046 \text{ đồng} \times 16 \text{ ngày}) = 296.958.729 \text{ đồng} - (30.000.000 \text{ đồng} - 7.484.266 \text{ đồng gốc}) = \mathbf{274.442.995 \text{ đồng.}}$

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Đề nghị Toà án tuyên buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày ngày 30/08/2024 là 274.442.995 đồng.

Trong đó nợ gốc: 0 đồng; Lãi quá hạn: 274.442.995 đồng và bà H có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi phát sinh sau ngày 30/08/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Bà H phải chịu toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên có quan điểm:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Về thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 97, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ bằng phương thức niêm yết công khai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với phiên tòa sơ thẩm.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị Thanh H ; Buộc bà H phải trả cho Ngân hàng S1 số tiền tạm tính đến ngày 30/08/2024 là 274.442.995 đồng. Trong đó, nợ gốc: 0 đồng; Lãi quá hạn: 274.442.995 đồng; Bà Nguyễn Thị Thanh H tiếp tục phải trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, thông báo về việc thay đổi lãi suất cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản vay; bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S có đăng ký kinh doanh và là tổ chức kinh doanh có mục đích lợi nhuận. Bà Nguyễn Thị Thanh H là cá nhân không có đăng ký kinh doanh và việc vay tiền là để tiêu dùng cá nhân. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần S1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H trả số tiền nợ thẻ tín dụng gồm nợ gốc và lãi còn thiếu đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Bị đơn có HKTT tại số 12 Lương Văn Can, pH Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; Hiện ở tại: P1708-CT2B, Chung cư Bộ Quốc Phòng, pH Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

2. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Long Biên đã tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Thanh H bằng phương thức niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận, công

khai chứng cứ, phiên hòa giải (02 lần) và trực tiếp các văn bản tố tụng khác nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 29/07/2024, Tòa án nhân dân quận Long Biên ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2024/QĐXX và ấn định phiên tòa được mở vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 14/08/2024. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được tổng đạt hợp lệ cho bà H bằng phương thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/08/2024 bà H không có mặt. Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2024/QĐST-HPT ngày 14/08/2024 và ấn định phiên tòa tiếp theo được mở vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 30/08/2024. Quyết định hoãn phiên tòa được tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Thanh H bằng phương thức giao nhận trực tiếp tại địa chỉ nơi cư trú theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/08/2024, bà H vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Long Biên đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của pháp luật.

2. Về thời hiệu: Các đương sự không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 155 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp quy định của pháp luật.

3. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (áp dụng cho cá nhân) ngày 16/10/2014 được ký kết bằng văn bản có nội dung Ngân hàng TMCP S cấp tín dụng cho bị đơn được sử dụng thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng TMCP S theo từng thời kỳ mà không cần thông báo cho Chủ Thẻ (thể hiện ở mục b Điều 22 của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng), chủ thẻ ký kết là người có thẩm quyền, về nội dung ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đến nay các bên không có tranh chấp về tính có hiệu lực của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Nên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng này đã phát sinh hiệu lực pháp luật và là cơ sở xem xét trách nhiệm của các bên.

Trên cơ sở Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Ngân hàng TMCP S đã phát hành thẻ để bà Nguyễn Thị Thanh H sử dụng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 1.351.018.000 đồng, phát sinh tiền lãi là: 355.621.965 đồng, phí trễ hạn là: 11.755.962 đồng, phí tH niên là: 898.000 đồng và phí VHM là 1.3410329 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Nguyễn Thị Thanh H đã thanh toán cho S số tiền là: 1.306.321.007 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị Thanh H vẫn không có thiện trí trả nợ. Bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/01/2018 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Bà Nguyễn Thị Thanh H đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc còn lại là 117.484.266 đồng đối với Ngân hàng TMCP S. Ngân hàng đã nhiều lần

đơn đốc nhắc nhở bà H trả nợ nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nên căn cứ quy định của pháp luật và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cần phải buộc bà H phải thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP S.

+ Tòa án xác định tiền gốc không đổi là 117.484.266 đồng. Theo tóm tắt sao kê Nguyễn Thị Thanh H CMND: 012132098, số thẻ 526830-4134, hạn mức tín dụng: 100.000.000 đồng ngày 30/08/2024 của Ngân hàng S1 về tính lãi quá hạn như sau:

Tiền gốc x (lãi trong hạn + lãi phạt quá hạn) phù hợp quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và đề nghị buộc bà H thanh toán tiền lãi theo biểu lãi suất cho vay do Ngân hàng TMCP S quy định theo từng thời kỳ + với lãi suất quá hạn (có tóm tắt sao kê).

Nên số tiền lãi được tính = tiền gốc x lãi suất quy định của ngân hàng (lãi trong hạn + lãi phạt quá hạn) x thời gian chưa thanh toán.

Về lãi suất, theo tài liệu Ngân hàng S1 cung cấp thì: Kể từ ngày chuyển quá hạn đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 140.000.000 đồng (được trừ gốc trước, nợ lãi sau). Cụ thể: ngày 30/05/2024 trả 65.00.000 đồng, ngày 20/06/2024 trả 15.000.000 đồng, ngày 26/06/2024 trả 20.000.000 đồng, ngày 16/07/2024 trả 10.000.000 đồng, ngày 01/08/2024 trả 20.000.000 đồng, ngày 07/08/2024 trả 10.000.000 đồng. Tính đến ngày 30/08/2024, bà H còn nợ các khoản sau: nợ gốc: 0 đồng, lãi quá hạn: 274.442.995 đồng. Tổng cộng: 274.442.995 đồng.

Cách tính lãi quá hạn như sau:

- Lãi ngày:

+ Từ ngày chuyển quá hạn đến 29/05/2024: $117.484.266 \text{ đồng} \times 3.225\%/30 = 126.296 \text{ đồng}$.

+ Từ ngày 30/05/2024 đến 19/06/2024: $52,484,266 \text{ đồng} \times 3.225\%/30 = 56.421 \text{ đồng}$.

+ Từ ngày 20/06/2024 đến 25/06/2024: $37,484,266 \text{ đồng} \times 3.225\%/30 = 40.296 \text{ đồng}$.

+ Từ ngày 26/06/2024 đến 15/07/2024: $17,484,266 \text{ đồng} \times 3.225\%/30 = 18.796 \text{ đồng}$.

+ Từ ngày 16/07/2024 đến 31/07/2024: $7,484,266 \text{ đồng} \times 3.225\%/30 = 8.046 \text{ đồng}$.

+ Từ ngày 01/08/2024 đến 30/08/2024: 0 đồng (do đã thanh toán hết gốc).

- Số ngày quá hạn: 2.429 ngày

+ Từ ngày chuyển quá hạn đến 29/05/2024: 2.336 ngày

+ Từ ngày 30/05/2024 đến 19/06/2024: 21 ngày

+ Từ ngày 20/06/2024 đến 25/06/2024: 6 ngày

+ Từ ngày 26/06/2024 đến 15/07/2024: 20 ngày

+ Từ ngày 16/07/2024 đến 31/07/2024: 16 ngày

+ Từ ngày 01/08/2024 đến 30/08/2024: 30 ngày (do đã thanh toán hết gốc)

Lãi quá hạn: $(126.296 \text{ đồng} \times 2336 \text{ ngày}) + (56.421 \text{ đồng} \times 21 \text{ ngày}) + (40.296 \text{ đồng} \times 6 \text{ ngày}) + (18.796 \text{ đồng} \times 20 \text{ ngày}) + (8.046 \text{ đồng} \times 16 \text{ ngày}) = 296.958.729 \text{ đồng} - (30.000.000 \text{ đồng} - 7.484.266 \text{ đồng gốc}) = 274.442.995 \text{ đồng}$.

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2023, bản tự khai ngày 12/04/2024, ngày 15/07/2024 và tại phiên tòa, ngoài số tiền gốc và lãi thì Ngân hàng Thương Tín không yêu cầu thanh toán khoản phát sinh nào khác. Vì vậy, nghĩa vụ bà H phải thanh toán trả Ngân hàng Thương Tín tổng số nợ lãi tạm tính đến ngày 30/08/2024 là: 274.442.995 đồng.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 của Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 155, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 90; 91; 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

- Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị Thanh H về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”,

1) Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/10/2014 cho Ngân hàng TMCP S tạm tính đến ngày 30/08/2024 là: 274.442.995 đồng, trong đó: Nợ gốc là: **0 đồng**; Lãi quá hạn: **274.442.995 đồng**.

2) Bà Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 31/08/2024 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/10/2014.

3) Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị Thanh H về việc trả tiền nợ gốc là 117.484.266 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (áp dụng cho cá nhân) ngày 16/10/2014.

4) Án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu **13.722.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền **8.873.000 đồng** tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006014 ngày 09/11/2023 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,

5) Quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị Thanh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

** Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật có đơn xin thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh